

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/DS-ST

Ngày: 06 - 5 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sâm;

Ông Đinh Niệm .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 21/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-DS ngày 08/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-DS ngày 25/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P. Địa chỉ: Số D, D L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trịnh Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Cao T1 - Giám đốc phòng G. Ông T1 ủy quyền lại cho ông Diệp Thế V và bà Trương Thị Thu T2 tham gia tố tụng tại phiên tòa (ông V và bà T2 có mặt).

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P (viết tắt Ngân hàng O) trình bày:

Ngày 17/01/2023, Ngân hàng O - Chi nhánh K - Phòng G có ký hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Kim H với số tiền vay là 1.500.000.000đ, mục đích vay: tiêu dùng có TSBĐ; thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay áp dụng gói lãi suất

cho ưu đãi tại thời điểm giải ngân là 16%/ năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Biên độ lãi suất là: 4,8%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Theo hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 17/01/2023 và Khế ước nhận nợ số 0013/2023/PCR/KUNN ngày 18/01/2023. Ngày 18/12/2023, hai bên ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 17/01/2023 và khế ước nhận nợ ngày số 0013/2023/PCR/KUNN ngày 18/01/2023 để cơ cấu lại nợ vay nên đã điều chỉnh vào 03 kỳ trả nợ từ tháng 12/2023 đến kỳ tháng 02/2024 sẽ được điều chỉnh trả vào 03 kỳ tương ứng từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025.

Ngày 26/06/2023, Ngân hàng O - Chi nhánh K - Phòng G tiếp tục ký hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Kim H với số tiền vay 50.000.000đ, mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay áp dụng trong 3 tháng đầu tiên tại thời điểm giải ngân là 12,3%/ năm. Từ tháng 04 trở đi: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Theo hợp đồng tín dụng số 0196/2023/PCR/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0196/2023/PCR/KUNN cùng ngày 26/6/2023.

Ngày 14/11/2023, Ngân hàng O - Chi nhánh K - Phòng G tiếp tục ký hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Kim H với số tiền vay 150.000.000đ, mục đích vay: tiêu dùng phục vụ đời sống; thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay trong 3 tháng đầu tiên tại thời điểm giải ngân là 10,7%/năm. Từ tháng 04 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Theo hợp đồng tín dụng số 0412/2023/PCR/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0412/2023/PCR/KUNN cùng ngày 14/11/2023.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là quyền sử dụng thửa đất số 536, tờ bản đồ số 30b và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 412382 do UBND huyện N cấp ngày 16/5/2018) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0013/2023/PCR/HĐTC ngày 17/01/2023 và Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo số 0013.01/2023/PCR/PLHĐTC ngày 14/11/2023.

Ngoài ra, ngày 21/02/2023, Ngân hàng O cấp 02 thẻ tín dụng số 6015383508140002; 3015383508140003 với hạn mức thẻ tín dụng là 100 triệu đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng O đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà Nguyễn Thị Kim H đã thanh toán được 389.901.996 đồng (bao gồm: 183.744.000 đồng tiền gốc, 206.157.996 đồng tiền lãi) của cả 03 hợp đồng tín dụng và thẻ ngân hàng. Kể từ ngày 10/03/2024 đến nay, bà H liên tiếp vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Mặc dù, chúng tôi đã có nhiều văn bản nhắc nợ và có rất nhiều buổi làm việc, cũng như đã tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị Kim H trả nợ đúng kỳ hạn cho Ngân hàng nhưng bà H đều không thực hiện.

Tổng nghĩa vụ nợ của bà H theo Hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 17/01/2023; 0196/2023/PCR/HĐTD ngày 26/06/2023; 0412/2023/PCR/HĐTD ngày 14/11/2023; Thẻ tín dụng số

6015383508140002; 3015383508140003 tính đến ngày 06/5/2025, dư nợ của bà H tại Ngân hàng O là 2.015.855.157đ, trong đó: nợ gốc: 1.591.672.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 267.319.087đ; nợ gốc thẻ: 98.373.857đ, nợ lãi thẻ: 58.490.213đ.

Do đó, tại phiên tòa Ngân hàng O yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng O toàn bộ số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 06/5/2025 là 2.015.855.157đ, trong đó: nợ gốc: 1.591.672.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 267.319.087đ; nợ gốc thẻ: 98.373.857đ, nợ lãi thẻ: 58.490.213đ

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ chưa thanh toán tính từ ngày 07/5/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và thẻ tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp 0013/2023/PCR/HĐTC ngày 17/01/2023 và Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo số 0013.01/2023/PCR/PLHĐTC ngày 14/11/2023 được ký kết giữa bà H và Ngân hàng O để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trường hợp bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng OCB thì Ngân hàng O được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 536, tờ bản đồ số 30b tọa lạc tại thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 412382 do UBND huyện N cấp ngày 16/5/2018) theo Hợp đồng thế chấp 0013/2023/PCR/HĐTC ngày 17/01/2023 giữa bà H và Ngân hàng O để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng.

Về án phí: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Ngoài ra Ngân hàng O không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà xác định chữ ký và chữ viết trong các hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 17/01/2023; 0196/2023/PCR/HĐTD ngày 26/06/2023; 0412/2023/PCR/HĐTD ngày 14/11/2023; hợp đồng sửa đổi, bổ sung (hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 17/01/2023) ngày 18/12/2023; Các khế ước nhận nợ; hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 6015383508140002; 3015383508140003, Hợp đồng thế chấp 0013/2023/PCR/HĐTC ngày 17/01/2023 và Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo số 0013.01/2023/PCR/PLHĐTC ngày 14/11/2023 do Ngân hàng O cung cấp là của bà. Tuy nhiên, bà ký kết các hợp đồng này là do vợ chồng ông Lương Phúc T3 bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bà ký, số tiền vay ai nhận được bà không biết. Ngày 22/12/2022, vợ chồng ông T3 bà C chuyển nhượng cho bà thửa đất này để bà đứng tên vay vốn tại Ngân hàng O. Hiện nay, vợ chồng ông T3 bà C đã bỏ đi khỏi địa phương.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Ngân hàng O khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả số tiền nợ đã vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại ơn H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận" xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn **nhưng bị đơn vắng mặt** lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định:

Vào năm 2023, bà Nguyễn Thị Kim H có ký kết các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ với Ngân hàng O để vay vốn, cụ thể như sau: Ngày 17/01/2023, ký kết hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD với số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất vay 16%/năm, Khế ước nhận nợ số số 0013/2023/PCR/KUNN ngày 18/01/2023; Ngày 26/6/2023, ký kết hợp đồng tín

dụng số 0196/2023/PCR/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0196/2023/PCR/KUNN với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất 12,3%/năm; Ngày 14/11/2023, ký kết hợp đồng tín dụng số 0412/2023/PCR/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0412/2023/PCR/KUNN với số tiền 150.000.000đ, lãi suất 10,7%/năm.

Các hợp đồng đều xác định: lãi suất cho vay được cố định 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời gian vay 120 tháng với mục đích vay tiêu dùng.

Ngày 18/12/2023, bà H ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 17/01/2023 và khế ước nhận nợ ngày số 0013/2023/PCR/KUNN ngày 18/01/2023 để cơ cấu lại nợ vay nên đã điều chỉnh vào 03 kỳ trả nợ từ tháng 12/2023 đến kỳ tháng 02/2024 sẽ được điều chỉnh trả vào 03 kỳ tương ứng từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025.

Ngoài ra, vào năm 2023, theo đề nghị của bà H, Ngân hàng O còn cấp 02 thẻ tín dụng số 6015383508140002; 3015383508140003 với hạn mức 100 triệu đồng cho bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận chữ ký trong các hợp đồng ký kết với Ngân hàng O là của bà. Tuy nhiên, bà xác định bà ký kết các hợp đồng này với Ngân hàng O là do yêu cầu của vợ chồng ông Lương Phúc T3 bà Nguyễn Thị Kim C nhưng bà không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến của mình.

Xét các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng O và bà H nêu trên thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H chỉ thanh toán cho Ngân hàng O được số tiền 389.178.709 đồng (trong đó tiền gốc là 183.744.000đ; tiền lãi: 205.434.709đ). Từ ngày 10/4/2024 đến nay, bà H liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển các khoản nợ sang nợ quá hạn. Xét thấy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng O, vi phạm các nội dung đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng O khởi kiện yêu cầu bà phải thanh toán các khoản nợ theo các hợp đồng đã ký kết là có căn cứ.

Tính đến ngày 06/5/2025, dư nợ của bà H tại Ngân hàng O là 2.015.855.157đ, trong đó: nợ gốc: 1.591.672.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 267.319.087đ; nợ gốc thẻ: 98.373.875đ, nợ lãi thẻ: 58.490.213đ, cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 17/01/2023 và hợp đồng sửa đổi hợp đồng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 18/12/2023 gồm nợ gốc: 1.325.000.000đ, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 312.858.606đ.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0196/2023/PCR/HĐTD ngày 26/6/2023 gồm nợ gốc: 46.672.000đ; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 7.205.058đ.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0412/2023/PCR/HĐTD ngày 14/11/2023 gồm nợ gốc: 145.000.000đ; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 22.255.423đ.

Đối với nợ 02 thẻ tín dụng gồm nợ gốc thẻ: 98.373.857đ; nợ lãi thẻ: 58.490.213đ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng O. Bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng O tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 06/5/2025 là 2.015.855.157đ, trong đó: nợ gốc: 1.591.672.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 267.319.087đ; nợ gốc thế: 98.373.857đ, nợ lãi thế: 58.490.213đ.

Kể từ ngày 07/5/2025 cho đến khi trả hết nợ vay, bà H còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký kết nêu trên giữa hai bên.

[2.2] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên tại Ngân hàng O, bà Nguyễn Thị Kim H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 536, tờ bản đồ số 30b tọa lạc tại thôn A, xã X, huyện N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 412382 do UBND huyện N cấp ngày 16/5/2018 cho hộ ông Lương Phúc T3 được Văn phòng Đ Chi nhánh N cập nhật biến động (chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim H) vào ngày 23/12/2022 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Ngân hàng O và bà Nguyễn Thị Kim H đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 0013/2023/PCR/HĐTC ngày 17/01/2023 và Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo số 0013.01/2023/PCR/PLHĐTC ngày 14/11/2023, được Văn phòng C1, tỉnh Ninh Thuận chứng nhận ngày 17/01/2023 và ngày 14/11/2023, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ - Chi nhánh N vào ngày 17/01/2023.

Xét thấy các chủ thể ký kết hợp đồng các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy hợp đồng thế chấp đảm bảo pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai bà H tại nhà bà H vào ngày 16/01/2025. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Do đó, bà H đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3 Về chi phí tố tụng:

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền 1.920.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng O được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng O.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng O được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 72.317.000đ (làm tròn số) (cách tính: 72.000.000đ + (2% x (2.015.855.157đ - 2.000.000.000đ)).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay là các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P tổng số tiền tính đến ngày 06/5/2025 là 2.015.855.157đ (hai tỷ không trăm mười lăm triệu đồng tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng một trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc: 1.591.672.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 267.319.087đ; nợ gốc thẻ: 98.373.857đ, nợ lãi thẻ: 58.490.213đ.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/5/2025) bà Nguyễn Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 0013/2023/PCR/HĐTD ngày 17/01/2023, số 0196/2023/PCR/HĐTD ngày 26/06/2023, số 0412/2023/PCR/HĐTD ngày 14/11/2023; các khế ước nhận nợ số 0013/2023/PCR/KUNN ngày 18/01/2023; số 0196/2023/PCR/KUNN ngày 26/06/2023; số 0412/2023/PCR/KUNN ngày 14/11/2023; hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 6015383508140002; 3015383508140003 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P và bà Nguyễn Thị Kim H cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 0013/2023/PCR/HĐTC ngày 17/01/2023 và Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đảm bảo số 0013.01/2023/PCR/PLHĐTC ngày 14/11/2023 giữa bà Nguyễn Thị Kim H và Ngân hàng thương mại cổ phần P đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 536, tờ bản đồ số 30b tọa lạc tại thôn A, xã X, huyện N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 412382 do UBND huyện N cấp ngày 16/5/2018 cho hộ ông Lương Phúc T3 được Văn phòng

Đ Chi nhánh N cập nhật biến động (chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim H) vào ngày 23/12/2022 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ vay.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc là 1.920.000 đồng (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và có phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng thương mại cổ phần P.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 72.317.000đ (bảy mươi hai triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 33.631.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0003870 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Thị Thành